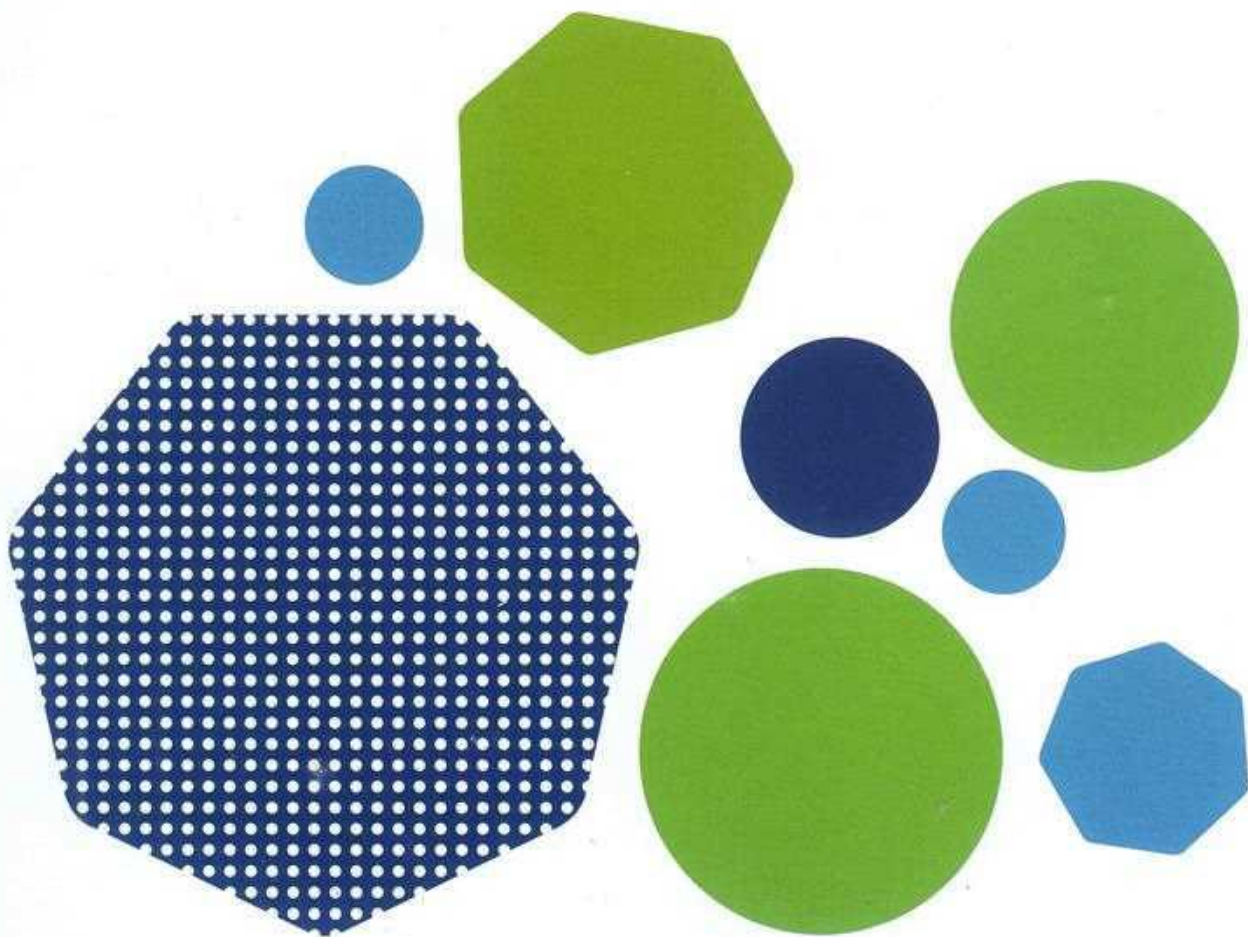


CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

- Ông Vũ Ngọc Định	Chủ tịch HĐQT	
- Ông Trịnh Văn Thiệm	Thành viên HĐQT	
- Ông Phan Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	
- Ông Đặng Văn Thắng	Thành viên HĐQT	
- Bà Vũ Thị Thanh Huệ	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2024

Ban Tổng Giám đốc

- Ông Nguyễn Chí Kiên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/09/2024
- Ông Trịnh Văn Thiệm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/09/2024
	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23/09/2024
- Ông Phan Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

- Ông Bùi Lê Quang	Trưởng ban	
- Bà Dư Thị Hải Yến	Thành viên	
- Bà Nguyễn Thị Vụ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2024
- Bà Trần Thị Minh Thu	Thành viên	

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng của Công ty Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là Ông Phạm Quang Vinh.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Chí Kiên
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2025

Số: 42/2025/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05/3/2025, trình bày từ trang 06 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du Lịch Kim Liên tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

GCN ĐKHN kiểm toán số: 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2025

Hoàng Thị Ngà

Kiểm toán viên

GCN ĐKHN kiểm toán số: 4079-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.834.867.252	64.838.685.162
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.509.482.057	13.925.426.732
Tiền	111		8.509.482.057	5.838.848.743
Các khoản tương đương tiền	112		-	8.086.577.989
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35.000.000.000	45.089.054.794
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	35.000.000.000	45.089.054.794
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.816.632.427	5.063.636.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	7.494.810.993	4.406.213.058
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	177.855.873	169.675.173
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	724.910.740	944.270.144
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(580.945.179)	(456.522.375)
Hàng tồn kho	140		264.359.969	331.726.029
Hàng tồn kho	141	8	264.359.969	331.726.029
Tài sản ngắn hạn khác	150		244.392.799	428.841.607
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	194.542.836	245.787.063
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	49.849.963	183.054.544
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.024.608.519	18.214.305.925
Tài sản cố định	220		1.606.916.218	2.715.774.449
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.606.916.218	2.715.774.449
- Nguyên giá	222		127.073.407.355	129.167.633.067
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(125.466.491.137)	(126.451.858.618)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		692.150.000	692.150.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(692.150.000)	(692.150.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		15.326.137.320	15.326.137.320
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	15.326.137.320	15.326.137.320
Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	9.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		91.554.981	172.394.156
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	91.554.981	172.394.156
TỔNG TÀI SẢN	270		77.859.475.771	83.052.991.087

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		14.919.247.487	14.884.053.658
Nợ ngắn hạn	310		8.840.439.178	8.805.245.349
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	560.096.509	859.150.520
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		88.765.679	5.000.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	552.085.411	557.568.488
Phải trả người lao động	314		3.193.039.913	3.479.010.412
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		270.248.437	235.765.877
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	4.175.997.396	3.668.543.719
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		205.833	205.833
Nợ dài hạn	330		6.078.808.309	6.078.808.309
Phải trả dài hạn khác	337	13	6.078.808.309	6.078.808.309
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	62.940.228.284	68.168.937.429
Vốn chủ sở hữu	410		62.940.228.284	68.168.937.429
Vốn góp của chủ sở hữu	411		69.571.530.000	69.571.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		69.571.530.000	69.571.530.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.261.304.507	5.261.304.507
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.892.606.223)	(6.663.897.078)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(6.663.897.078)	(11.438.604.111)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(5.228.709.145)	4.774.707.033
TỔNG NGUỒN VỐN	440		77.859.475.771	83.052.991.087



Nguyễn Chí Kiên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2025

Phạm Quang Vinh
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Năm 2024	Năm 2023
	số	minh	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	66.205.019.094	62.755.771.733
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.205.019.094	62.755.771.733
Giá vốn hàng bán	11	18	67.251.832.627	54.678.075.204
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.046.813.533)	8.077.696.529
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	2.228.692.750	2.801.123.371
Chi phí bán hàng	25	20	11.269.444	61.049.988
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	6.264.297.246	6.081.969.030
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.093.687.473)	4.735.800.882
Thu nhập khác	31	21	89.738.097	48.893.190
Chi phí khác	32	22	91.555.188	9.987.039
Lợi nhuận khác	40		(1.817.091)	38.906.151
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.095.504.564)	4.774.707.033
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		133.204.581	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.228.709.145)	4.774.707.033
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	23	(752)	686



Nguyễn Chí Kiên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2025

Phạm Quang Vinh
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		68.770.091.839	68.578.072.123
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(20.634.223.044)	(20.205.360.666)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(13.648.363.099)	(12.333.927.942)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.709.413.256	2.436.616.497
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(45.205.983.172)	(25.198.264.015)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.009.064.220)	13.277.135.997
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		82.750.013	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(62.428.826.071)	(54.089.054.794)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		63.517.880.865	44.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.421.314.738	1.927.725.167
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.593.119.545	(8.161.329.627)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.415.944.675)	5.115.806.370
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	13.925.426.732	8.809.620.362
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	8.509.482.057	13.925.426.732



Nguyễn Chí Kiên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2025

Phạm Quang Vinh
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Hằng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/02/2008 và thay đổi lần thứ 9 ngày 30/08/2019.

Vốn điều lệ của Công ty là 69.571.350.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại số 5-7 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ.

Các ngành nghề kinh doanh chính:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ nhà hàng, ăn uống;
- Bán buôn, bán lẻ hàng hóa;
- Cho thuê mặt bằng, cho thuê điểm đỗ và các dịch vụ khác;

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu và các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau :

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	13 năm
- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Các tài sản khác	04 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

3.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.6 HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty thực hiện kế toán cho BCC, ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Chi phí BCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ, chi phí trả trước về máy móc thiết bị và các chi phí khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 01 đến 36 tháng.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

3.9 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)**

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Giá vốn hàng bán được kết chuyển phù hợp với doanh thu đã ghi nhận và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

3.13 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện tại phải trả trong năm được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm sau khi trừ đi lỗ lũy kế từ những năm trước. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.14 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty hoặc chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được thể hiện thông qua quyền biểu quyết trong việc ra các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Toàn bộ các giao dịch và số dư với bên liên quan trong năm 2024 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	74.285.414	256.303.067
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.435.196.643	5.582.545.676
Các khoản tương đương tiền	-	8.086.577.989
	8.509.482.057	13.925.426.732

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	194.542.836	245.787.063
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	194.542.836	245.787.063
Dài hạn	91.554.981	172.394.156
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	91.554.981	172.394.156
	286.097.817	418.181.219

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Số 5-7 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ NÂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ngắn hạn	35.000.000.000	-	45.089.054.794	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn	35.000.000.000	-	45.089.054.794	-
- Dài hạn	9.000.000.000	-	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn	9.000.000.000	-	-	-
	44.000.000.000	-	45.089.054.794	-

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	7.494.810.993	-	4.406.213.058	-
- Công ty cổ phần dịch vụ thẩm định giá Trảng An	1.252.978.000	-	900.000.000	-
- Hội sinh viên Việt Nam	-	-	401.940.000	-
- Hộ kinh doanh nhà nghỉ Ban Mai	267.250.000	-	241.347.476	-
- Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Bảo Hương	1.213.387.852	-	208.249.272	-
- Công ty CP Thương mại Du Lịch Hà Khánh	257.533.023	-	206.466.833	-
- Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ	283.688.000	-	205.286.000	-
- Công ty cổ phần bóng đá Thủ Đức FC	752.683.000	-	-	-
- Công ty TNHH thương mại ô tô và dịch vụ khách sạn HOTE CAR	452.483.937	-	136.747.968	-
- Hộ kinh doanh ZUES SPA	266.618.562	-	-	-
- Đối tượng khác	2.748.188.619	(580.945.179)	2.106.175.509	(456.522.375)
Dài hạn	-	-	-	-
	7.494.810.993	(580.945.179)	4.406.213.058	(456.522.375)
Phải thu khách hàng là bên liên quan	62.420.200	62.420.200	62.420.200	62.420.200

(Chi tiết theo thuyết minh số 24)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	207.110.072	-	260.443.275	-
- Công cụ, dụng cụ	23.305.128	-	17.690.631	-
- Hàng hóa	33.944.769	-	53.592.123	-
	264.359.969	-	331.726.029	-

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Lãi tiền gửi	551.061.241	-	743.683.229	-
- Phải thu khác	173.849.499	-	200.586.915	-
	724.910.740	-	944.270.144	-

10. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Trung tâm kỹ thuật và tư vấn tài nguyên nước	110.587.373	-	110.587.373	-
- Đối tượng khác	67.268.500	-	59.087.800	-
	177.855.873	-	169.675.173	-

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Số 5-7 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	104.353.967.884	19.683.407.880	2.566.187.653	2.564.069.650	129.167.633.067
- Thanh lý, nhượng bán	(1.158.206.818)	(489.159.522)	(73.256.400)	(373.602.972)	(2.094.225.712)
31/12/2024	<u>103.195.761.066</u>	<u>19.194.248.358</u>	<u>2.492.931.253</u>	<u>2.190.466.678</u>	<u>127.073.407.355</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	101.827.001.070	19.522.360.945	2.538.426.953	2.564.069.650	126.451.858.618
- Khấu hao trong năm	1.029.950.267	51.147.264	27.760.700	-	1.108.858.231
- Thanh lý, nhượng bán	(1.158.206.818)	(489.159.522)	(73.256.400)	(373.602.972)	(2.094.225.712)
31/12/2024	<u>101.698.744.519</u>	<u>19.084.348.687</u>	<u>2.492.931.253</u>	<u>2.190.466.678</u>	<u>125.466.491.137</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	<u>2.526.966.814</u>	<u>161.046.935</u>	<u>27.760.700</u>	<u>5.128.139.300</u>	<u>2.715.774.449</u>
31/12/2024	<u>1.497.016.547</u>	<u>109.899.671</u>	<u>-</u>	<u>4.380.933.356</u>	<u>1.606.916.218</u>

Tại 31/12/2024, Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 108.352.242.477 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự án Khu phức hợp Kim Liên (*)	15.326.137.320	15.326.137.320
	15.326.137.320	15.326.137.320

(*): Dự án Tổ hợp công trình thương mại dịch vụ, khách sạn, văn phòng và căn hộ cho thuê tại số 5-7 Đào Duy Anh, Phường Mai, Đống Đa, thành phố Hà Nội ("Dự án"). Dự án này đang được hợp tác với Công ty Cổ phần Thaiholdings theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 28/2020/HĐ/KL-THD ngày 10/07/2020 (xem tại thuyết minh số 13).

Theo Thông báo số 1216/TB-UBND ngày 09/10/2019 của UBND Thành phố Hà Nội Về việc chỉ tiêu quy hoạch xây dựng Dự án tổ hợp công trình Thương mại dịch vụ, khách sạn, văn phòng và căn hộ cho thuê số 5-7 Đào Duy Anh, Phường Mai, Đống Đa, UBND thành phố Hà Nội đã đồng ý các chỉ tiêu quy hoạch và chức năng ô đất đề xuất của dự án phù hợp Quy hoạch chung Thủ đô và Quy chế cao tầng, giao Sở Quy hoạch kiến trúc hướng dẫn nhà đầu tư lập Quy hoạch tổng thể mặt bằng và phương án kiến trúc Dự án, thẩm định theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật, trình UBND thành phố xem xét, phê duyệt

Đến thời điểm lập báo cáo này, Dự án vẫn chưa được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

13. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	4.175.997.396	3.668.543.719
- Kinh phí công đoàn	50.775.846	115.108.190
- Bảo hiểm xã hội	194.445.564	238.225.824
- Bảo hiểm thất nghiệp	112.617.286	62.630.050
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.606.440.000	3.034.700.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	211.718.700	217.879.655
Dài hạn	6.078.808.309	6.078.808.309
- Công ty Cổ phần Thai Holdings (*)	6.078.808.309	6.078.808.309
	10.254.805.705	9.747.352.028

(*): Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 28/2020/HĐ/KL-THD ngày 10/07/2020 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên và Công ty Cổ phần Thaiholdings về việc hợp tác thực hiện triển khai Dự án Tổ hợp công trình thương mại dịch vụ, khách sạn, văn phòng và căn hộ cho thuê tại số 5-7 Đào Duy Anh, Phường Mai, Đống Đa, thành phố Hà Nội:

- Thời hạn hợp tác kinh doanh kể từ ngày ký hợp đồng đến khi kết thúc thời hạn hoạt động của dự án theo hồ sơ được cơ quan nhà nước phê duyệt.
- Công ty Cổ phần Thaiholdings chịu trách nhiệm triển khai công tác chuẩn bị đầu tư và chịu mọi chi phí liên quan đến dự án trong quá trình thực hiện. Nếu dự án không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thì Thaiholdings sẽ tự chịu trách nhiệm mọi chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIM LIÊN

Số 5-7 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Ngắn hạn				
- Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp Hoa Anh Đào	-	-	525.261.960	525.261.960
- Kho CCDC hàng chính phẩm	96.133.493	96.133.493	104.581.566	104.581.566
- Công ty Cổ phần Thương Mại Đầu Tư Tổng Hợp Và Xây Dựng Dược Liệu Bùi Thị	292.427.470	292.427.470	-	-
- Các đối tượng khác	171.535.546	171.535.546	229.306.994	229.306.994
Dài hạn	-	-	-	-
	560.096.509	560.096.509	859.150.520	859.150.520

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp	Số đã thực nộp	31/12/2024
	VND	trong năm VND	trong năm VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	496.961.527	3.881.746.841	3.913.099.918	465.608.450
- Thuế thu nhập cá nhân	60.606.961	277.475.614	251.605.614	86.476.961
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	35.829.953.463	35.829.953.463	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	557.568.488	39.992.175.918	39.997.658.995	552.085.411
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	183.054.544	133.204.581	-	49.849.963
	183.054.544	133.204.581	-	49.849.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	69.571.530.000	5.261.304.507	(11.438.604.111)	63.394.230.396
- Lãi trong năm	-	-	4.774.707.033	4.774.707.033
31/12/2023	69.571.530.000	5.261.304.507	(6.663.897.078)	68.168.937.429
01/01/2024	69.571.530.000	5.261.304.507	(6.663.897.078)	68.168.937.429
- Lỗ trong năm	-	-	(5.228.709.145)	(5.228.709.145)
31/12/2024	69.571.530.000	5.261.304.507	(11.892.606.223)	62.940.228.284

16.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

STT	Cổ đông	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
		Vốn thực góp	Tỷ lệ	Vốn góp	Tỷ lệ
		VND	%	VND	%
1	CTCP - Tập đoàn Thaingroup	36.474.330.000	52,43%	36.474.330.000	52,43%
2	Ngân hàng thương mại TNHH MTV Dầu khí toàn cầu	6.743.700.000	9,69%	6.743.700.000	9,69%
3	Công ty tài chính TNHH MTV Bưu Điện	4.655.050.000	6,69%	4.655.050.000	6,69%
4	CTCP tư vấn xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Ninh Bình	4.607.610.000	6,62%	4.607.610.000	6,62%
5	CTCP Thaiholdings	11.966.000.000	17,20%	11.966.000.000	17,20%
6	Cổ đông khác	5.124.840.000	7,37%	5.124.840.000	7,37%
		69.571.530.000	100,00%	69.571.530.000	100,00%

16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
+ Vốn góp đầu năm	69.571.530.000	69.571.530.000
+ Vốn góp cuối năm	69.571.530.000	69.571.530.000

16.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.957.153	6.957.153
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.957.153	6.957.153
+ Cổ phiếu phổ thông	6.957.153	6.957.153
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.957.153	6.957.153
+ Cổ phiếu phổ thông	6.957.153	6.957.153
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.205.019.094	62.755.771.733
	66.205.019.094	62.755.771.733
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết theo thuyết minh số 24)	106.125.578	276.485.860

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	67.251.832.627	54.678.075.204
	67.251.832.627	54.678.075.204

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.228.692.750	2.801.123.371
	2.228.692.750	2.801.123.371

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	6.264.297.246	6.081.969.030
- Chi phí nhân viên quản lý	5.110.874.471	4.529.998.781
- Chi phí vật liệu quản lý	64.727.171	31.397.309
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	1.151.613
- Thuế phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.005.102	153.866.310
- Chi phí dự phòng	124.422.804	-
- Chi phí khác bằng tiền	904.267.698	1.362.555.017
b. Các khoản chi phí bán hàng	11.269.444	61.049.988
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.269.444	61.049.988
	6.275.566.690	6.143.019.018

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	83.467.494	-
- Các khoản khác	6.270.603	48.893.190
	89.738.097	48.893.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Phạt chậm nộp thuế	91.552.191	9.980.000
- Các khoản chi phí khác	2.997	7.039
	91.555.188	9.987.039

23. LỖ CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(5.228.709.145)	4.774.707.033
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	6.957.153	6.957.153
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(752)	686

24. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần - Tập đoàn Thaicorp	Cổ đông mẹ
2	Công ty Cổ Phần Thaiholdings	Cổ đông lớn
3	Công ty Cổ phần Tôn Dân Hà Nội	Cùng tập đoàn
4	Công ty Cổ phần Encalve Phú Quốc	Công ty liên kết của công ty mẹ
5	Công ty cổ phần Bình Minh Group	Công ty liên kết của công ty mẹ
6	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm LPBank	Bên liên quan với Công ty mẹ
7	Các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty	

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.125.578	276.485.860
- Công ty Cổ phần - Tập đoàn Thaicorp	32.279.964	17.922.727
- Công ty Cổ Phần Thaiholdings	8.725.926	110.349.091
- Công ty cổ phần Bình Minh Group	15.344.275	11.381.818
- Công ty Cổ phần Tôn Dân Hà Nội	46.997.635	50.490.407
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm LPBank	2.777.778	86.341.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng	62.420.200	62.420.200
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm LPBank	62.420.200	62.420.200
Người mua trả tiền trước	-	3.000.000
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm LPBank	-	3.000.000
Phải trả, phải nộp khác	6.078.808.309	6.078.808.309
- Công ty Cổ Phần Thaiholdings	6.078.808.309	6.078.808.309

Thu nhập thù lao Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty	1.981.539.022	1.721.069.000

25. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên đã được kiểm toán.



Nguyễn Chí Kiên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2025

Phạm Quang Vinh
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Hằng
Người lập biểu